**TUẦN 10** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự.

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.

\* HS năng khiếu đọc lưu loát, diễn cảm được đoạn văn, đoạn thơ (tốc độ đọc trên 75 tiếng/phút).

**3. Thái độ**

- GD HS biết mơ ước và chia sẻ những ước mơ của mình

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc từ tuần 1 đến tuần 9.

+ Phiếu kẻ sẵn bảng ở BT2 (đủ dùng theo nhóm 4 HS) và bút dạ.

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(3p)*    - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Thực hành ôn tập** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.  - Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự.  \* **Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Lớp**  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Những bài tập đọc là truyện kể là những bài có một chuỗi các sự việc liên quan đến một hay một số nhân vật, mỗi truyện đều nói lên một điều có ý nghĩa.*  *+ Các truyện kể: Dế Mèn bênh vực kẻ yếu; Người ăn xin.*  - Hoạt động trong nhóm 4.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng (1/3 lớp)  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2:** Ghi lại những điều cần nhớ về các bài tập đọc là . . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Những bài tập đọc như thế nào là truyện kể?*  *+ Hãy tìm và kể tên những bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm Thương người như thể thương thân (nói rõ số trang).*  - Yêu cầu HS làm nhóm ghi vào bảng các nội dung theo yêu cầu. |
| Nhân vật | *Tên bài* |
| Dế Mèn, Nhà Trò, bọn nhện. | *Dế mèn bênh vực kẻ yếu* |
| Tôi (chú bé), ông lão ăm xin. | *Người ăn xin* |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV:  a. Đoạn văn có giọng đọc thiết tha:  Là *đoạn văn cuối truyện người ăn xin:*  *Từ tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia… đến khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.*  b. Đoạn văn có giọng đọc thảm thiết:  Là *đoạn nhà Trò (truyện Dế mèn bênh vực kẻ yếu phần 1) kể nổi khổ của mình:*  Từ *năm trước, gặp khi trời làm đói kém, mẹ em phải vây lương ăn của bọn nhện… đến… Hôm nay bọn chúng chăn tơ ngang đường đe bắt em, vặt chân, vặt cánh ăn thịt em.*  c. Đoạn văn có giọng đọc mạnh mẽ, răn đe:  Là *đoạn Dế Mèn đe doạ bọn nhện, bênh vực Nhà Tròø (truyện dế mèn bênh vực kẻ yếu phần 2):*  Từ *tôi thét:*  *- Các ngươi có của ăn của để, béo múp, béo míp… đến có phá hết các vòng vây đi không?*  - HS đọc diễn cảm đoạn văn.  - Ghi nhớ KT đã ôn tập  - Luyện đoc diễn cảm tất cả các bài tập đọc thuộc chủ điểm Thương người như thể thương thân. | ***Bài 3:*** Trong các bài tập . . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tìm các đọan văn có giọng đọc như yêu cầu.  - Tổ chức cho HS đọc diễn cảm các đoạn văn đó.  - Nhận xét khen/ động viên.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo***(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 46:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được góc tù, góc nhọn, góc bẹt, góc vuông, đường cao của hình tam giác.

**2. Kĩ năng**

- Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4 (a)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Ê ke, thước thẳng

- HS: Ê ke, thước thẳng

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp khởi động bằng bài hát vui nhộn tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nhận biết được góc tù, góc nhọn, góc bẹt, góc vuông, đường cao của hình tam giác.  - Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 2-Lớp**  - Thực hiện theo nhóm 2- Đại diện báo cáo  - Ghi tên các góc.  Đ/a:  a) Hình tam giác ABC có: góc vuông BAC; góc nhọn ABC, ABM, MBC, ACB, AMB ; góc tù BMC ; góc bẹt AMC.  b) Hình tứ giác ABCD có: góc vuông DAB, DBC, ADC ; góc nhọn ABD, ADB, BDC, BCD ; góc tù ABC.  *+ Góc nhọn bé hơn góc vuông, góc tù lớn hơn góc vuông.*  *+ 1 góc bẹt bằng hai góc vuông.*  **Nhóm 2 – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Đưa đáp án và giải thích  Đ/a:  a. Sai; b. Đúng  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - HS thực hành vẽ- 2 HS trao đổi cách vẽ với nhau  **Cá nhân – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS nêu rõ các bước vẽ của mình.  b. + Tên các hình CN: ABMN; MNCD; ABCD.  + Cạnh song song với cạnh AB: MN; DC  - Ghi nhớ KT về góc.  - Vẽ 1 tam giác tù. Vẽ 3 đường cao của tam giác đó. Nhận xét về 3 đường cao đó | ***Bài 1***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV vẽ lên bảng hai hình a, b trong bài tập, yêu cầu HS ghi tên các góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt có trong mỗi hình.  - GV chốt đáp án.  *+ So với góc vuông thì góc nhọn bé hơn hay lớn hơn, góc tù bé hơn hay lớn hơn?*  *+ Góc bẹt bằng mấy góc vuông?*  ***Bài 2:*** Đúng ghi **Đ,** sai ghi **S** vào ô trống.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét, chốt đáp án  ***\* GV: + Hình tam giác ABC là tam giác vuông nên 2 cạnh AB và BC cũng đồng thời là hai đường cao.***  ***+ AB đồng thời cũng là đường cao của tam giác AHC vì tam giác này tù nên có 1 đường cao nằm ngoài tam giác.***  ***Bài 3:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS tự vẽ hình vuông ABCD có cạnh dài 3 cm, sau đó gọi 1 HS nêu rõ từng bước vẽ của mình, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GVnhận xét.  ***Bài 4a (HSNK làm cả bài):***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  a. GV yêu cầu HS tự vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài AB = 6 cm, chiều rộng AD = 4 cm.  A B  M N  D C    **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**ÔN TẬP: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE (tiếp)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường.

- Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách chọn chế độ dinh dưỡng hợp lí.

**3. Thái độ**

- Có ý thức chăm sóc sức khoẻ, phòng tránh tai nạn, thương tích

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: phiếu đã hoàn thành, các mô hình rau, quả, con giống.

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1. Khởi động *(4p)*** |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - HS theo dõi và ghi lại thực đơn hằng ngày của mình. Từ đó biết chọn chế độ dinh dưỡng hợp lí để cơ thể phát triển khoẻ mạnh.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4- Lớp**  - HS làm việc theo nhóm.  - Trình bày kết quả làm việc.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Cá nhân – Lớp**  - HS làm việc cá nhân như đã hướng dẫn ở mục thực hành – SGK trang 40.  - HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp.  - Vận dụng 10 lời khuyên dinh dưỡng trong cuộc sống  - Trang trí bảng 10 lời khuyên dinh dưỡng và dán trên tường bếp | **HĐ 3: Trò chơi: “Ai chọn thức ăn hợp lý?”**  - GV cho HS tiến hành hoạt động trong nhóm. Sử dụng những mô hình tranh ảnh đã mang đến lớp để lựa chọn một bữa ăn hợp lý và giải thích tại sao mình lại lựa chọn như vậy.  - Yêu cầu các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, khen những nhóm HS chọn thức ăn phù hợp.  **HĐ4: Thực hành: ghi lại và trình bày 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lí**.  - Tổ chức HS làm việc cá nhân như đã hướng dẫn ở mục thực hành – SGK trang 40.  - Yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp.  - Nhận xét, khen/ động viên HS **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập kiến thức về qui tắc viết hoa tên riêng (Việt Nam và nước ngoài); tác dụng của dấu ngoặc kép trong bài

- Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 75 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài văn có lời đối thoại.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn KN viết, kĩ năng trình bày

\* HS năng khiếu viết đúng và tương đối đẹp bài CT (tốc độ trên 75 chữ/15 phút); hiểu nội dung của bài.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (30p)**  **2. 1. Viết chính tả**  **a. Chuẩn bị viết chính tả:** *(4p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn xuôi có lời thoại  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.  - Đọc phần Chú giải trong SGK.  - 1 em lên bảng, lớp viết vào bảng con các từ: *Ngẩng đầu, trận giả, trung sĩ.*  *+ Bài kể về việc tôn trọng lời hứa của một cậu bé*  *+ Chữ cái đầu câu viết hoa.* | - GV gọi 1 HS đọc bài: Lời hứa, cả lớp đọc thầm.  - Gọi HS đọc phần Chú giải trong SGK.  - Yêu cầu HS tìm ra các từ dễ lẫn khi viết chính tả và luyện viết.  *+ Nội dung bài viết là gì?*  *+ Khi viết dấu hai chấm xuống dòng, gạch đầu dòng thì chữ cái đầu câu viết như thế nào?*  *+ Khi viết sau dấu hai chấm, trong ngoặc kép thì chữ cái đầu câu viết như thế nào?* |
| **b. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe-viết tốt bài chính tả theo hình thức văn xuôi có lời thoại  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc cho HS viết bài.  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt. |
| **c. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **d. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS nắm được nội dung bài, tác dụng của dấu ngoặc kép trong bài CT.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| **Cặp đôi – Lớp**  - Làm việc nhóm đôi – Báo cáo dưới sự điều hành của TBHT  *+ Em được giao nhiệm vụ gác kho đạn.*  *+ Em không về vì đã hứa không bỏ vị trí gác khi chưa có người đến thay.*  *+ Các dấu ngoặc kép trong bài dùng để báo trước bộ phận sau nó là lời nói của bạn em bé hay của em bé*  *+ Không được, trong mẫu truyện trên có 2 cuộc đối thoại cuộc đối thoại giữa em bé với người khách trong công viên và cuộc đối thoại giữa em bé với các bạn cùng chơi trận giả là do em bé thuật lại với người khách, do đó phải đặt trong dấu ngoặc kép để phân biệt với những lời đối thoại của em bé với người khách vốn đã được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng.* | **Bài 2:**  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét và kết luận câu trả lời đúng.  a*. Em bé được giao nhiệm vụ gì trong trò chơi đánh trận giả?*  *b. Vì sao trời đã tối, em không về?*  *c. Các dấu ngoặc kép trong bài dùng để làm gì?*  *d. Có thể đưa những bộ phận đặt trong dấu ngoặc kép xuống dòng, đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng không? Vì sao?* |
| **2. 2. Ôn quy tắc viết hoa** (5p)  **\* Mục tiêu:** HS ôn lại quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí VN và nước ngoài. Lấy được VD minh hoạ từng trường hợp  **\* Cách tiến hành** | |
| **Nhóm 4 –Lớp**  - HS thảo luận nhóm 4, ghi bài vào phiếu BT | ***Bài 3***: Lập bảng tổng kết quy tắc viết tên riêng theo mẫu sau:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các loại tên riêng** | **Quy tắc viết** | | **Ví dụ** |
| 1. Tên người, tên địa lí Việt Nam. | Viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng tạo thành tên đó. | | - Hồ Chí Minh, Điện Biên Phủ, Trường Sơn, Võ Thị Sáu, Lê Thị Hồng Gấm, . . |
| 2. Tên người, tên địa lí nước ngoài. | - Viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu bộ phận tạo thành tên gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng có gạch nối | | Lu- I a- xtơ,, Xanh Bê- téc- bua,  Tuốc- ghê- nhép.  Luân Đôn. Bạch Cư Dị, . . |
| **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | | - Ghi nhớ KT ôn tập  - Tiếp tục đọc diễn cảm các bài tập đọc chủ điểm Thương người như thể thương thân. | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 47:* LUYỆN TẬP CHUNG (tr. 56)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các phép tính với số tự nhiên, các bài toán hình hình, bài toán tổng –hiệu

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được cộng, trừ các số có đến sáu chữ số.

- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc.

- Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó liên quan đến hình chữ nhật.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (a), bài 2 (a), bài 3 (b), bài 4

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ.

-HS: thước kẻ có chia cm

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (30p)**  **\* Mục tiêu:** Thực hiện được cộng, trừ các số có đến sáu chữ số. Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc. Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó liên quan đến hình chữ nhật.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS làm cá nhân- Đổi chéo kiểm tra bài  - 2 HS lên bảng  Đ/a:  386 259 726 485  +  -  260 837 452 936  647 096 273 549  - Nêu cách đặt tính, cách cộng, trừ các số có 6 chữ số.  **Cá nhân – Lớp**  - Thực hiện theo YC của GV.  Đ/a:  a. 6257 + 989 + 743  = (6257 + 743) + 989  = 7000 + 989  = 7989  *+ Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng*  - HS nêu lại tính chất giao hoán và kết hợp  **Cá nhân – Lớp**  A B I   |  |  | | --- | --- | |  |  |   D C H  *+ Có chung cạnh BC.*  - HS vẽ hình.  *+ Cạnh DH vuông góc với AD, BC, IH.*  - 1 em lên bảng, lớp làm bài vào phiếu học tập.  Bài giải  Chiều dài của hình chữ nhật AIHD là:  3 x 2 = 6(cm)  Chu vi hình chữ nhật AIHD là:  (6 + 3) x 2 = 18(cm2)  Đáp số: 18 cm2  - HS đọc và hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Xác định dạng toán: Tìm hai số...tổng - hiệu...  - Nêu cách giải bài toán  Bài giải  Ta có sơ đồ:  Chiều rộng:  Chiều dài:  Chiều rộng hình chữ nhật là:  (16 – 4): 2 = 6 (cm)  Chiều dài hình chữ nhật là:  6 + 4 = 10 (cm)  Diện tích hình chữ nhật là:  10 x 6 = 60 (cm2)  Đáp số: 60 cm2  - Ghi nhớ các KT đã ôn tập  - Giải bài toán sau: Một hình chữ nhật có chu vi là 32 cm. Chiều rộng kém chiều dài 4cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó. | ***Bài 1a:*** Đặt tính rồi tính:  ***(HSNK làm cả bài)***    - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa  ***Bài 2a:*** Tính bằng cách thuận tiện nhất.  ***(HSNK làm cả bài)***  - Gọi 1 HS lên bảng, cả lớp làm bài vào vở.  *+ Áp dụng tính chất nào để em tính thuận tiện?*  ***Bài 3b:(HSNK làm cả bài)***  - GV yêu cầu HS quan sát hình bên.  *+Hình vuông ABCD và hình vuông BIHC có chung cạnh nào?*  - GV yêu cầu HS vẽ tiếp hình vuông BIHC.  *+ Cạnh DH vuông góc với những cạnh nào?*  *+ Nêu cách tính chu vi chữ nhật đó?*  ***Bài 4:***  - Gọi HS đọc yêu cầu, xác định yếu tố đã cho, yếu tố cần tìm.  - YC HS tự làm bài.  - Nhận xét, đánh giá bài làm của HS (8-10 bài)  - Nhận xét, củng cố cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệxu...  3**. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**CuỘc kháng chiẾn chỐng quân TỐng**

**xâm lưỢc lẦn thỨ nhẤt (Năm 981)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu đôi nét về Lê Hoàn: Lê Hoàn là người chỉ huy quân đội nhà Đinh với chức Thập đạo tướng quân. Khi Đinh Tiên Hoàng bị ám hại, quân Tống sang xâm lược, Thái hậu họ Dương và quân sĩ đã suy tôn ông lên ngôi Hoàng đế (nhà Tiền Lê). Ông đã chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tống thắng lợi.

- HS nắm được những nét chính về cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (năm 981) do Lê Hoàn chỉ huy.

**2. Kĩ năng**

- Kể lại một số sự kiện về cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất: Đầu năm 981, quân Tống theo hai đường thuỷ, bộ tiến vào xâm lược nước ta. Quân ta chặn đánh địch ở Bạch Đằng (đường thuỷ) và Chi Lăng (đường bộ). Cuộc kháng chiến thắng lợi.

**3. Thái độ**

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:+ Hình trong SGK phóng to.

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, chỉ bản đồ, kể chuyện

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Thuở nhỏ Đinh Bộ Lĩnh thường chơi với lũ trẻ chăn trâu, dùng cờ lau đánh trận giả,..*  *+ Đinh Bộ Lĩnh đã có công dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất giang sơn.* . . | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Em biết gì về thời thơ ấu của Đinh Bộ Lĩnh?*  *+ Đinh Bộ Lĩnh đã có công gì đối với đất nước?*  - GV nhận xét, dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\** Mục tiêu** - Hiểu biết đôi nét về Lê Hoàn. Nắm được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược  ***\** Cách tiến hành*:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS nối tiếp nêu  -HS đọc thầm SGK.  *+ Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị ám hại. Con thứ là Đinh Toàn, mới 6 tuổi lên ngôi vua.*  **Nhóm 2- Lớp**  - HS thảo luận nhóm 2, nêu ý kiến về 2 câu hỏi GV nêu.  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS các nhóm thảo luận và báo cáo kết quả.  *+ Năm 981.*  *+Đường thủy, đường bộ.*  *+ Chia thành 2 cánh, sau đó cho quân chặn đánh giặc ở cửa sông Bạch Đằng và ải Chi Lăng.*  *+ Ở Bạch Đằng và Chi Lăng ; Diễn ra ồ ạt và rất ác liệt .*  *+ Quân Tống không thực hiện được ý đồ xâm lược của mình .*  - Đầu năm 981, . . . . thắng lợi. (HSNK)  **Cá nhân –Lớp**  *+ Quân giặc chết quá nửa, tướng giặc bị giết; Cuộc kháng chiến hoàn toàn thắng lợi.*  *+ Nền độc lập của nước nhà được giữ vững; Nhân dân ta tự hào, tin tưởng vào sức mạnh và tiền đồ của dân tộc*    - Lắng nghe  - Kể tên các địa danh mang tên Lê Hoàn | **HĐ1: Nguyên nhân quân Tống sang xâm lược nước ta và việc Lê Hoàn lên ngôi vua.**  - GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của mình về Lê Hoàn  **-** GV giới thiệu đôi nét về Lê Hoàn  - GV cho HS đọc SGK đoạn: “Năm 979 …. sử cũ gọi là nhà Tiền Lê”.  *+ Nêu tình hình nước ta trước khi quân Tống sang xâm lược?*  ***GV: Đó chính là nguyên nhân chính dẫn đến việc quân Tống sang xâm lược nước ta. Thế nước lâm nguy, triều đình họp bàn và tất cả mọi người đặt niềm tin vào Thập đạo tướng quân Lê Hoàn.***  \* GV đặt vấn đề:  *+ Lê Hoàn lên ngôi vua trong hoàn cảnh nào?*  *+ Lê Hoàn được tôn lên làm vua có được nhân dân ủng hộ không?*  ***\* GV: Lê Hoàn lên ngôi vua là hợp với bối cảnh lịch sử và hợp với lòng dân***  **HĐ2: Diễn biến của cuộc kháng chiến:**  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận theo câu hỏi:  *+ Quân Tống xâm lược nước ta vào năm nào?*  *+ Quân Tống tiến vào nước ta theo những đường nào?*  *+ Lê Hoàn chia quân thành mấy cánh và đóng quân ở đâu để đón giặc?*  *+ Hai trận đánh lớn diễn ra ở đâu và diễn ra như thế nào?*  *+ Quân Tống có thực hiện được ý đồ xâm lược của chúng không?*  - Dựa vào phần chữ kết hợp với lược đồ SGK, em hãy thuật lại diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Tống?  - GV nhận xét, kết luận.  **HĐ3: 3. Kết quả và ý nghĩa:**  *+ Kết quả của cuộc kháng chiến như thế nào?*  *+ Nêu ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống quân Tống?*  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  ***-*** GV tổng kết và GD như lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước: Nhờ sức mạnh đoàn kết dân tộc, nhờ tinh thần yêu nước mãnh liệt của các tầng lớp nhân dân ta, Lê Hoàn cùng các tướng sĩ đã đập tan cuộc xâm lược lần thứ nhất của nhà Tống, tiếp tục giữ vững nền độc lập của dân tộc. Chúng ta tự hào sâu sắc với quá khứ đó.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 3)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được nội dung chính, nhân vật và giọng đọc các bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm Măng mọc thẳng.

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

**3. Thái độ**

- HS chăm chỉ, tích cực ôn tập KT cũ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Giấy khổ to kể sẵn bảng BT2 và bút dạ.

+ Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc, HTL từ tuần 1 đến tuần 9

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | | 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được nội dung chính, nhân vật và giọng đọc các bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm Măng mọc thẳng.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Các bài tập đọc:  + *Một người chính trực- trang 36.*  *+ Những hạt thóc giống- trang 46.*  *+ Nỗi vằn vặt của An- đrây- ca- trang 55.*  *+ Chị em tôi- trang 59.*  - HS thảo luận trong nhóm.  - Ghi nhớ KT ôn tập  - Đọc diễn cảm các bài tập đọc chủ điểm Măng mọc thẳng | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng: 1/3 lớp  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Gọi HS đọc tên bài tập đọc là truyện kể ở tuần 4, 5, 6 đọc cả số trang. GV ghi nhanh lên bảng.  - Yêu cầu HS trao đổi, thảo luận để hoàn thành phiếu. Nhóm nào làm xong trước dán phiếu lên bảng. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - Kết luận lời giải đúng.  - Gọi HS đọc phiếu đã hoàn chỉnh.  - Tổ chức cho HS đọc từng đoạn hoặc cả bài theo giọng đọc các em tìm được.  - Nhận xét khen những em đọc tốt.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tên bài*** | ***Nội dung chính*** | ***Nhân vật*** | ***Giọng đọc*** |
| 1. Một người chính trực | Ca ngợi lòng ngay thẳng, chính trực, đặt việc nước lên trên tình riêng của Tô Hiến Thành. | - Tô Hiến Thành  - Đỗ thái hậu | Thong thả, rõ ràng. Nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tính cách kiên định, khẳng khái của Tô Hiến Thành. |
| 2. Những hạt thóc giống | Nhờ dũng cảm, trung thực, cậu bé Chôm được vua tin yêu, truyền cho ngôi báu. | - Cậu bé Chôm  - Nhà vua | Khoan thai, chậm rãi, cảm hứng ca ngợi. Lời Chôm ngây thơ, lo lắng. Lời nhà vua khi ôn tồn, khi dõng dạc. |
| 3. Nỗi nằn vặt của An- đrây- ca | Nỗi dằn vặt của An- đrây- ca Thể hiện yêu thương ý thức trách nhiệm với người thân, lòng trung thực, sự nghiêm khắc với bản thân. | - An- đrây- ca  - mẹ An- đrây- ca | Trầm buồn, xúc động. |
| 4. Chị em tôi. | Một cô bé hay nói dối ba để đi chơi đã được em gái làm cho tĩnh ngộ. | - Cô chị  - Cô em  - Người cha | Nhẹ nhàng, hóm hỉnh, thể hiện đúng tính cách, cảm xúc của từng nhân vật. Lời người cha lúc ôn tồn, lúc trầm buồn. Lời cô chị khi lễ phép, khi tức bực. Lời cô em lúc hồn nhiên, lúc giả bộ ngây thơ. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 48:* KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I**

**ĐẠO ĐỨC**

**TIẾT KIỆM THỜI GIỜ (tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về tiết kiệm thời giờ.

- Biết được lợi ích của tiết kiệm thời giờ.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết sử dụng thời gian học tập, sinh hoạt,… hằng ngày một cách hợp lí.

**3. Thái độ**

- Có ý thức sử dụng thời gian học tập, sinh hoạt,… hằng ngày một cách hợp lí.

*(Không yêu cầu học sinh lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có hai phương án: tán thành và không tán thành)*

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Xác định giá trị của thời gian là vô giá*

*- Lập kế hoạch khi làm việc, học tập để sử dụng thời gian hiệu quả*

*- Quản lí thời gian trong sinh hoạt học tập hằng ngày*

*- Bình luận, phê phán việc lãng phí thời gian*

***\* GD tư tưởng HCM****: Cần, kiệm, liêm, chính.*

**I. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Truyện, tấm gương về tiết kiệm thời giờ

- HS: Mỗi HS có 2 tấm bìa màu: xanh, đỏ.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| *+ Mi- chi- a hiểu ra rằng trong cuộc sống, con người chỉ cần một phút cũng có thể làm nên chuyện quan trọng.*  -HS đọc bài học. | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Sau cuộc thi trượt tuyết, Mi- chi- a hiểu ra điều gì?*  - Gọi HS đọc bài học.  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.HĐ thực hành***(30 p)*  **\* Mục tiêu:** - Bày tỏ ý kiến về hành vi tiết kiệm thì giờ và lãng phí thì giờ  - Trình bày được việc làm của bản thân thể hiện tiết kiệm thì giờ  - Trưng bày các tranh vẽ, tài liệu sưu tầm về tiết kiệm, lãng phí thì giờ.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **HS làm việc cá nhân**  - Thực hiện theo HD của GV:  Đ/a:  + Các việc làm a, c, d là tiết kiệm thời giờ.  + Các việc làm b, đ, e không phải là tiết kiệm thời giờ  **Thảo luận theo nhóm đôi:**  - HS thảo luận nhóm đôi về việc bản thân đã sử dụng thời giờ như thế nào và dự kiến thời gian biểu của mình trong thời gian tới.  + HS trình bày bài .  + Lớp trao đổi, chất vấn, nhận xét.  **Cá nhân –Lớp**  - HS trình bày, giới thiệu các tranh vẽ, bài viết hoặc các tư liệu các em đã sưu tầm được về chủ đề tiết kiệm thời giờ.  - HS cả lớp trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ, truyện, tấm gương…vừa trình bày.  - Lắng nghe  - Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia về tiết kiệm thời gian hoặc lãng phí thời gian | **HĐ1: Bày tỏ ý kiến**  (Bài tập 1 –SGK) 7’  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập 1.  - Tổ chức cho HS làm bài cá nhân.  - GV nêu các việc làm, HS giơ thẻ màu bày tỏ ý kiến và giải thích lí do tán thành/ không tán thành.  - GV kết luận.  **HĐ2: Việc sử dụng thời gian của bản thân** (BT4- SGK)  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.  - GV mời một số HS trình bày với lớp.  - GV nhận xét, khen ngợi những HS đã biết sử dụng, tiết kiệm thời giờ và nhắc nhở các HS còn sử dụng lãng phí thời giờ.  **HĐ3: Trình bày giới thiệu các tranh vẽ, các tư liệu đã sưu tầm**:  -GV yêu cầu HS trình bày, giới thiệu các tranh vẽ, bài viết hoặc các tư liệu…  -Nhận xét và khen ngợi những em chuẩn bị tốt và giới thiệu hay.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục tư tưởng HCM: Tiết kiệm thời gian chính là noi theo tấm gương sáng của Bác về cần, kiệm, liêm, chính.  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 4)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và một số từ Hán Việt thông dụng) thuộc các chủ điểm đã học (Thương người như thể thương thân, Măng mọc thẳng, Trên đôi cánh ước mơ).

- Nắm được tác dụng của dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

**2. Kĩ năng:**

- Vận dụng tốt các KT đã học để làm các bài tập liên quan

**3. Thái độ**

- Tích cực làm bài, ôn tập KT

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Phiếu kẻ sẵn nội dung và bút dạ.

+ Phiếu ghi sẵn các câu tục ngữ thành ngữ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thương người như thể**  **Thương thân** | **Măng mọc thẳng** | **Trên đôi cánh ước mơ** |
| Từ cùng nghĩa: nhân hậu… | Từ cùng nghĩa: trung thực |  |
| Từ trái nghĩa: độc ác… | Từ trái nghĩa: gian dối… |  |

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)* |
| **2. HĐ thực hành (***30p)*  **\* Mục tiêu: -** HS hệ thống lại các từ ngữ, thành ngữ, tục ngữ thuộc các chủ điểm đã học  - Nắm được tác dụng của dấu hai chấm và vận dụng làm bài  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp**. | |
| **Nhóm 4- Lớp**  - HS thảo luận ghi vào phiếu học – Chia sẻ lớp dưới sự điều hành của TBHT  *+ Nhân hậu đoàn kết- trang 17 và 33.*  *+ Trung thực và tự trọng- trang 48 và 62.*  *+ Ước mơ- trang 87.*  Đáp án:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thương người như thể thương thân | Măng mọc thẳng | Trên đôi cánh ước mơ | | **Từ cùng nghĩa**: thương người, nhân hậu, nhân ái, nhân dức, nhân nghĩa, hiền hậu, hiền từ,hiền lành, hiền dịu, dịu hiền, trung hậu,... | **Từ cùng nghĩa:** trung thực, trung thành, trung nghĩa, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tuột, thành thật, thật lòng, thật tâm, thực bụng,... | Ước mơ, ước muốn, ao ước, ước mong, mong ước, mơ ước, mơ tưởng, ... | | **Từ trái nghĩa**: độc ác, hung ác, tàn ác, nanh ác, tàn bạo, dữ tợn, dữ dằn, ăn hiếp, hà hiếp, bắt nạt, đánh đập, áp bức, bóc lột,... | **Từ trái nghĩa:** dối trá, gian dối, gian lận, gian giảo, gian trá, lừa dối, bịp bợm, lừa đảo, lừa lọc,... |  |   **Nhóm 2 –Lớp**  ***Thương người như thể thương thân*:** *Ở hiền gặp lành; Một cây làm chẳng nên non … hòn núi cao; Hiền như bụt; Lành như đất; Thương nhau như chị em ruột; Môi hở răng lạnh;Máu chảy ruột mềm;Nhường cơm sẻ áo;Lá lành đùm lá rách;Trâu buột ghét trâu ăn;Dữ như cọp.*  ***Măng mọc thẳng:****Thẳng như ruột ngựa;Thuốc đắng dã tật,**Giấy rách phải giữ lấy lề; Đói cho sạch, ráh cho thơm.*  ***Trên đôi cánh ước mơ:*** *Cầu được ước thấy;Ước sao được vậy;Ước của trái mùa;Đứng núi này trông núi nọ.*  - HS đặt câu hoặc nêu tình huống sử dụng các câu TN, tục ngữ trên. VD:  +Trường em luôn có tinh thần *lá lành đùm là rách.*  +Bạn Hùng lớp em tính thẳng thắn *như ruột ngựa*.  + Bà em luôn dặn con cháu *đói cho sạch, rách cho thơm.*  **Cá nhân –Lớp**  Đáp án:   |  |  | | --- | --- | | Dấu câu | Tác dụng | | a.Dấu hai chấm: | Báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật. Lúc đó, dấu hai chấm được dùng phối hợp với dấu ngoặc kép hay dấu gạch đầu dòng. | | b.Dấu ngoặckép: | + Dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hay của người được câu văn nhắc đến.  Nếu lời nói trực tiếp là một câu trọn vẹn hay một đoạn văn thì trước dấu ngoặc kép cần thêm hai dấu chấm.  + Đánh dấu với những từ được dùng với nghĩa đặc biệt. |   - Ghi nhớ KT ôn tập  - Sưu tầm thêm các câu thành ngữ, tục ngữ khác thuộc chủ điểm đã học | **Bài 1:**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  *+ Yêu cầu HS nhắc lại các bài mở rộng vốn từ. GV ghi nhanh lên bảng.*  - Nhận xét khen/ động viên, yêu cầu đặt câu với từ bất kì vừa hệ thống lại  **Bài 2:**Tìm thành ngữ, tục ngữ đã học trong mỗi chủ điểm nêu ở BT1  - Nhận xét sửa từng câu cho HS  **Bài 3:**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Kết luận về tác dụng của dấu ngoặc kép và dấu hai chấm.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU VIỀN ĐƯỜNG GẤP MÉP VẢI**

**BẰNG MŨI KHÂU ĐỘT THƯA (tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa.

**2. Kĩ năng**

- Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị dúm.

\* Với HS khéo tay: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Mẫu đường gấp mép vải được khâu viền bằng các mũi khâu đột có kích thước đủ lớn và một số sản phẩm có đường khâu viền đường gấp mép vải bằng khâu đột hoặc may bằng máy (quần, áo, vỏ gối, túi xách tay bằng vải …)

- HS: Bộ ĐDHT lớp 4, vở.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành | **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2. Hình thành KT***(30p)*  **\* Mục tiêu**- Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS quan sát và trả lời.  *+ Mép vải được gấp hai lần. Đường gấp mép ở mặt trái của mảnh vải.*  *+ Đường khâu bằng mũi khâu đột thưa (hoặc đột mau). Thực hiện đường khâu ở mặt phải mảnh vải.*  - HS quan sát H1, 2, 3, 4 và trả lời câu hỏi  *+ Gấp theo đường dấu thứ hai, miết kĩ đường gấp.*  *+ Khâu các mũi khâu thường dài khoảng 1cm để cố định mép vải. . .*  - HS quan sát và trả lời.  - HS thực hiện thao tác gấp mép vải.  - HS lắng nghe.  - HS kết hợp đọc nội dung của mục 2, 3 và quan sát H. 3, H. 4 SGK và tranh quy trình để trả lời và thực hiện thao tác khâu viền.  - HS thực hành trên giấy ô li  - Nhận xét, đánh giá bước đầu.  - Thực hành khâu tại nhà  - Sưu tầm các sản phẩm sử dụng mũi khâu đột thưa để viền mép vải. | **HĐ1: GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét mẫu.**  - GV giới thiệu mẫu, hướng dẫn HS quan sát,  *+ Em hãy nhận xét cách gấp mép vải?*  *+ Nhận xét đường khâu trên mép vải?*    - GV nhận xét và tóm tắt đặc điểm đường khâu viền gấp mép.  **HĐ2: Hướng dẫn thao tác kỹ thuật.**  *+ Em hãy nêu cách gấp mép vải lần 2?*  *+ Hãy nêu cách khâu lược đường gấp mép vải?*  - GV hướng dẫn HS đọc nội dung của mục 1 và quan sát hình 1, 2a, 2b (SGK) để trả lời các câu hỏi về cách gấp mép vải.  - GV cho HS thực hiện thao tác gấp mép vải.  - GV nhận xét các thao tác của HS thực hiện. Hướng dẫn theo nội dung SGK  ***\* Lưu ý:***  Khi gấp mép vải, mặt phải mảnh vải ở dưới. Gấp theo đúng đường vạch dấu theo chiều lật mặt phải vải sang mặt trái của vải. Sau mỗi lần gấp mép vải cần miết kĩ đường gấp. Chú ý gấp cuộn đường gấp thứ nhất vào trong đường gấp thứ hai.  - Nhận xét chung và hướng dẫn thao tác khâu lược, khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột. Khâu lược thì thực hiện ở mặt trái mảnh vải. Khâu viền đường gấp mép vải thì thực hiện ở mặt phải của vải (HS có thể khâu bằng mũi đột thưa hay mũi đột mau).  - GV tổ chức cho HS thực hành vạch dấu, gấp mép vải theo đường vạch dấu.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 5)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS nắm được một số thể loại: nội dung, nhân vật,...và cách đọc các bài tập đọc.

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1; nhận biết được các thể loại văn xuôi, kịch, thơ; bước đầu nắm được nhân vật và tính cách trong bài tập đọc là truyện kể đã học.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác ôn tập KT cũ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 90 SGK (phóng to)

+ Bảng lớp ghi sẵn đoạn cần luyện đọc.

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | | **1. Khởi động:** *(3p)*    - GV dẫn vào bài mới | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - Đọc yêu cầu trong SGK.  **Nhóm 6 – Lớp**  - Các bài tập đọc.  *\* Trung thu độc lập - trang 66.*  *\* Ở vương quốc Tương Lai - trang 70.*  *\* Nếu chúng mình có phép lạ - trang 76.*  *\* Đôi giày ba ta màu xanh - trang 81.*  *\* Thưa chuyện với mẹ - trang 85.*  *\* Điều ước của vua Mi- đát - trang 90*. | | | **2. HĐ thực hành:** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** HS ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng**.** HS nhận biết được các thể loại văn xuôi, kịch, thơ; bước đầu nắm được nhân vật và tính cách trong bài tập đọc là truyện kể đã học.  \* **Cách tiến hành:** | |
| **Giọng đọc** | **Bài 1:**Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên.  ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc tên các bài tập đọc, số trang thuộc chủ điểm *Đôi cánh ước mơ.*  GV ghi nhanh lên bảng.  - Yêu cầu HS trao đổi, làm việc trong nhóm. Nhóm nào làm xong trước dán phiếu lên bảng. Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - Kết luận phiếu đúng.  - Gọi HS đọc lại phiếu. | |
| Nhẹ nhàng thể hiện niềm tự hào tin tưởng. | **Tên bài** | |
| Hồn nhiên(lời Tin- tin, Mi- tin: háo hức, ngạc nhiên, thán phục, lời các em bé: tự tin, tự hào.) | 1. Trung thu độc lập | |
| Hồn nhiên, vui tươi. | 2. Ở vương quốc tương lai | |
| Chậm rãi, nhẹ nhàng (đoạn 1 –hồi tưởng): vui nhanh hơn (đoạn 2 - niềm xúc động vui sướng của cậu bé lúc nhạn quà) | 3. Nếu chúng mình có phép lạ. | |
| Giọng Cương: Lễ phép, thiết tha. Giọngmẹ: lúc ngạc nhiên. Lúc cảm động, dịu dàng. | 4. Đôi giày ba ta màu xanh | |
| Khoan thai. Đổi giọng linh hoạt phù hợp với tâm trạng thay đổi của vua: từ phấn khởi, thoả mãn sang hoảng hốt, khẩn cầu, hối hận. Lời  Đi- ô- ni- dôt phán: Oai vệ. | 5. Thưa chuyện với mẹ | |
|  | 6. Điều ước của vua Mi- đát. | |

***Bài 3:*** GV tiến hành như bài 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật** | **Tên bài** | **Tính cách** |
| - Nhân vật “tôi”- chị phụ trách.  Lái | Đôi giày ba ta màu xanh | Nhân hậu, muốn giúp trẻ lang thang. Quan tâm và thông cảm với ước muốn của trẻ.  Hồn nhiên, tình cảm, tích được mang giày dép. |
| - Cương.  - Mẹ Cương | Thưa chuyện với mẹ | Hiếu thảo, thương mẹ. Muốn đi làm để kiếm tiền giúp mẹ.  Dịu dàng, thương con |
| - Vua Mi- đat  - Thần Đi- ô- ni- dôt | Điều ước của vua Mi- đat. | Tham lam nhưng biết hối hận.  Thông minh, biết dạy cho vua Mi- đat một bài học. |

**3. Hoạt động ứng dụng (***1p)*

*-* Chúng ta sống cần có ước mơ, cần quan tâm đến ước mơ của nhau sẽ làm cho cuộc sống thêm vui tươi, hạnh phúc. Những ước mơ tham lam, tầm thường, kì quặc, sẽ chỉ mang lại bất hạnh cho con người

**4. HĐ sáng tạo** *(1p)*

- Đọc diễn cảm các bài tập đọc thuộc chủ điểm

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 49:* NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số (tích có không quá sáu chữ số).

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện thành thạo phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3a

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: ê- ke, thước

- HS: đồ dùng học toán, ê-ke, thước

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức (***15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.  **\* Cách tiến hành:**. | |
| **Cá nhân- Nhóm- Lớp**  - HS đọc: 241 324 x 2.  - HS lên bảng đặt tính, HS cả lớp đặt tính vào giấy nháp, sau đó nhận xét cách đặt tính trên bảng của bạn.  - Ta bắt đầu tính từ hàng đơn vị, sau đó đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn (tính từ phải sang trái).  241324 \* 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.  x 2 \* 2 nhân 2 bằng 4, viết 4.  482648 \* 2 nhân 3 bằng 6, viết 6.  \* 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.  \* 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.  \* 2 nhân 2 bằng 4, viết 4.    - HS đọc: 136204 x 4.  - 1 HS thực hiện trên bảng lớp, HS cả lớp làm bài vào giấy nháp.  136204 \* 4 nhân 4 bằng 16, viết 6 nhớ 1.  x 4 \* 4 nhân 0 bằng 0,thêm 1 bằng 1,viết 1  544816 \* 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.  \* 4 nhân 6 bằng 24, viết 4 nhớ 2.  \* 4 nhân 3 bằng 12,thêm 2 bằng 14,viết 4 nhớ 1.  \* 4 nhân 1 bằng 4,thêm 1 bằng 5, viết 5 | **\* Phép nhân 241324 x 2** (**phép nhân không nhớ)**  - GV viết lên bảng phép nhân: 241324 x 2.      + Khi thực hiện phép nhân này, ta phải thực hiện tính bắt đầu từ đâu?  - Yêu cầu HS tính. Nếu trong lớp có HS tính đúng thì GV yêu cầu HS đó nêu cách tính của mình, sau đó GV nhắc lại cho HS cả lớp ghi nhớ. Nếu trong lớp không có HS nào tính đúng thì GV hướng dẫn HS tính theo từng bước như SGK.  Vậy 241 324 x 2 = 482 648  **\* Phép nhân 136204 x 4 (phép nhân có nhớ)**  - GV viết lên bảng phép nhân: 136204 x 4.  - GV yêu cầu HS đặt tính và thực hiện phép tính, nhắc HS chú ý đây là phép nhân có nhớ.  + Khi thực hiện các phép nhân có nhớ chúng ta cần thêm số nhớ vào kết quả của lần nhân liền sau.  - GV nêu kết quả nhân đúng, sau đó yêu cầu HS nêu lại từng bước thực hiện phép nhân của mình.  Vậy 136204 x 4 = 544816 |
| - 2 em lên bảng, lớp làm bảng con.  a. 341231 214325  x 2 x 4  482648 .............  b. 102426 410536  x 5 x 3  .............. .............  - GV yêu cầu HS làm theo cặp, 2 cặp làm bảng lớn.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a. 321 475 + 423 507 x 2  = 321 475+ 847 014  = 1168 489  \* 843 275 – 123 568 x 5  = 843 275 – 617 840  = 225 435  - HS làm bài vào vở Tự học  - Chữa bài trong nhóm đôi.  - Ghi nhớ cách đặt tính và tính  **Bài tập PTNL:**  1**.(M3+M4)** Mỗi xã được cấp 455550 cây giống , hỏi một huyện có 7 xã thì được cấp bao nhiêu cây giống? | **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** HS thực hiện thành thạo phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.  **\* Cách tiến hành:** |
|  | ***Bài 1:Đặt tính rồi tính***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính va thực hiện phép nhân.  ***Bài 3a: Tính(HSNK làm cả bài)***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  **\* KL:** Củng cố cách tính giá trị của biểu thức  **Bài 2+ Bài 4 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV chữa, chốt cách làm  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 6)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS ôn tập về cấu tạo của tiếng, từ chia theo cấu tạo và từ chia theo chức năng.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được tiếng chỉ có vần và thanh, tiếng có đủ âm đầu, vần và thanh trong đoạn văn; nhận biết được từ đơn, từ ghép, từ láy, danh từ (chỉ người, vật, khái niệm), động từ trong đoạn văn ngắn.

- HS có kĩ năng nhận biết và xác đinh được các tiếng, từ.

\* HS năng khiếu: Phân biệt được sự khác nhau về cấu tạo của từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác ôn bài.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp viết sẵn đoạn văn.

+ Phiếu kẻ sẵn và bút dạ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiếng** | **Âm đầu** | **Vần** | **Thanh** |
| a. Tiếng chỉ có vần và thanh |  |  |  |
| b. Tiếng có đủ âm đầu, vần và thanh |  |  |  |

- HS: SGK, Bút, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động:(***5p)*    - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** Xác định được tiếng chỉ có vần và thanh, tiếng có đủ âm đầu, vần và thanh trong đoạn văn; nhận biết được từ đơn, từ ghép, từ láy, danh từ, động từ trong đoạn văn ngắn.  **\* Cách tiến hành:** | | | |
| **Vần** | ***Bài 1:***  - Gọi 2 HS đọc thành tiếng đề bài.  *+ Cảnh đẹp của đất nước được quan sát ở vị trí nào?*  *+ Những cảnh của đất nước hiện ra cho em biết điều gì về đất nước ta?*  ***Bài 2:***  - Gọi 2 HS đọc thành tiếng đề bài.  -Yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành phiếu. Nhóm nào làm xong trước dán phiếu lên bảng. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Nhận xét, kết luận phiếu đúng. |  |  |
| Ao |  | **Tiếng** | **Âm đầu** |
| ươi  âm  anh  u  uon  ay  ơ  a  … | a/. Tiếng chỉ có vần và thanh | Ao |  |
| - Cá nhân đọc  +*Cảnh đẹp của đất nước được qua sát từ trên cao xuống.*  *+ Những cảnh đẹp đó cho thấy đất nước ta rất thanh bình, đẹp hiền hoà.*  **Nhóm 2- Lớp**  - 2 HS đọc thành tiếng đề bài.  - Hs thảo luận nhóm đôi.  - Chữa bài (nếu sai). | | b/. Tiếng có đủ âm đầu, vần và thanh | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - 1 HS đọc yêu cầu trong SGK.  *+ Từ đơn là từ gồm 1 tiếng. Ví dụ: ăn…*  *+ Từ ghép là từ được ghép các tiếng có nghĩa lại với nhau. Ví dụ: Dãy núi, ngôi nhà…*  *+ Từ láy là từ phối hợp những tiếng có âm hay vần giống nhau. Ví dụ: Long lanh, lao xao, …*  - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận, tìm từ vào giấy nháp.  - 4 HS lên bảng viết, mỗi HS viết mỗi loại 1 từ.  **Từ đơn:** Dưới, tầm, cánh, chú, là, luỹ, tre, xanh, trong, bờ, ao, những, gió, rồi, cảnh, còn, tầng…  **Từ ghép:** Bây giờ, khoai nước, tuyệt đẹp, hiện ra, ngược xuôi, xanh trong, cao vút, luỹ tre, đất nước, cánh đồng, đàn trâu, dòng sông, đoàn thuyền, đàn cò, . .  **Từ láy:** rì rào, thung thăng, rung rinh  - 1 HS đọc thành tiếng đề bài.  *+ Danh từ là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng,...).*  *Ví dụ: Học sinh, mây, ....*  *+Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.*  *Ví dụ: ăn, ngủ, yên tĩnh, …*  **Danh từ:** Tầm, cánh, chú, chuồn chuồn, tre, gió, bờ ao, khóm, khoai nước, cảnh, đất nước, cánh, đồng, đàn trâu, cỏ, dòng, sông, đoàn, thuyền….  **Động từ:** Rì rào, rung rinh, hiện ra, gặm, bay, ngược xuôi,  - Ghi nhớ KT ôn tập  - Tìm các tiếng ngoài bài chỉ có vần và thanh | | **Bài 3:**  *+ Thế nào là từ đơn, cho ví dụ.*  *+ Thế nào là từ ghép? Cho ví dụ.*  *+ Thế nào là từ láy? Cho ví dụ.*  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và tìm từ.  - Gọi HS lên bảng viết các từ mình tìm được.  - Gọi HS bổ sung những từ còn thiếu.  - Kết luận lời giải đúng.  ***Bài 4:***  *+ Thế nào là danh từ? Cho ví dụ?*  *+ Thế nào là động từ? Cho ví dụ.*  - Tiến hành tương tự bài 3.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**NƯỚC CÓ NHỮNG TÍNH CHẤT GÌ? (PP BTNB)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về ứng dụng một số tính chất của nước trong đời sống: làm mái nhà dốc cho nước mưa chảy xuống, làm áo mưa để không bị ướt,....

- Nêu được một số tính chất của nước : nước là chất lỏng, trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định: nước chảy từ trên cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía, thấm qua một số vật và hòa tan một số chất.  
**2. Kĩ năng**

- Quan sát và làm thí nghiệm để phát hiện ra một số tính chất của nước.  
**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\* GD bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng: Nước là vô cùng thiết yếu đối với cuộc sống của con người, nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay của con người, bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước.*

*Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước cũng chính là sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng (phục vụ sản xuất điện)***II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: **+**Hình minh hoạ trong sgk tr- 42, 43.  
 + 2 cốc thuỷ tinh giống nhau, nước lọc, sữa, chai, cốc, hộp, lọ thuỷ tinh có các hình dạng khác nhau, tấm kính, khay đựng nước, vải (bông, giấy thấm), đường muối, cát, 3 cái thìa.  
 - Bảng kẻ sẵn các cột:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Dự đoán | Cách tiến hành | Kết luận |
|  |  |  |  |

- HS: Chuẩn bị theo nhóm:

+ Hai cốc thủy tinh giống nhau, một cốc đựng nước, một cốc đựng sữa.

+ Chai và một số vật chứa nước có hình dạng khác nhau bằng thủy tinh hoặc nhựa trong có thể nhìn rõ nước đựng ở trong.

+ Một tấm kính hoặc một mặt phẳng không thấm nước hoặc một khay đựng nước(như hình vẽ trang 43 sgk)

+ Một miếng vải bông, giấy thấm, bọt biển (miếng mút), túi ni lông,…

+ Một ít đường, muối,cát,…và thìa.

- Bút dạ, giấy khổ lớn, bảng nhóm

- Vở thí nghiệm

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1. Khởi động *(4p)*** |
| **2.Bài mới:**  **\* Mục tiêu:** HS tiến hành làm thí nghiệm để phát hiện tính chất của nước.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| *+ chứa nước*  - HS ghi lại những hiểu biết của mình.     - HS thảo luận trong nhóm rồi ghi vào bảng nhóm kết quả đã thảo luận.  VD:  + Nước trong suốt, không màu không mùi, không vị,  + Nước không có hình dạng nhất định.  + Nước chảy từ cao xuống thấp, lan ra khắp mọi phía,  + Nước thấm qua một số vật, không thấm qua vật và hòa tan một số chất - HS đính kết quả lên bảng   - HS tìm các điểm giống và khác nhau.             - HS đặt các câu hỏi thắc mắc của mình.  VD: 1. Nước có màu, có mùi, có vị không? 2. Nước có hình dạng nhất định không và nước chảy như thế nào? 3. Nước có thể hòa tan hoặc không hòa tan một số chất nào ? 4. Nước có thể thấm hoặc không thấm qua một số chất nào ? - HS đề xuất phương án, chọn phương án thích hợp nhất VD: Đọc SGK, xem phim, làm thí nghiệm, tìm kiếm thông tin trên mạng, tham khảo ý kiến người lớn,.. - Các nhóm đề xuất TN, sau đó tập hợp ý kiến của nhóm  vào bảng nhóm       - Thực hiện theo yêu cầu của GV.       - HS tiến hành làm TN    - Đại diện các nhóm lên trình bày.VD:  + Nhìn, ngửi, nếm để biết nước không màu, không mùi, không vị.  + Đổ nước vào các bình có hình dạng khác nhau, quan sát để biết nước không có hình dạng nhất định.  + Để nghiêng một tấm kính và đổ nước ở phía trên, quan sát để biết nước chảy từ nơi cao đến nơi thấp.  + Hoà một số chất (muối, đường, dầu…) vào nước để biết nước có thể/ không thể hoà tan một số chất.  + Đổ nước vào một số vật (vải cốt tông, ni lông…, ) để xem nước thấm/ không thấm qua một số vật. - Các nhóm khác có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn (Chẳng hạn: vật bị ướt, có phải vật đó đã thấm nước?,…) - HS kết luận: Nước là một chất lỏng trong suốt, không màu, không mùi……. thấm qua một số vậ và hòa tan một số chất. (Ghi kết luận vào vở TN)   - HS nêu. VD:  + Không xả rác bừa bãi xuống ao, hồ, sông, suối…  + Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước.  - HS nêu một vài ứng dụng. VD:  + Để một vật không bị thấm nước, ta phải lưu ý che đậy bằng các vật không thấm nước… +Nước không thấm qua một số vật nên người ta dùng để sản xuất chậu, chai,…làm bằng nhôm, nhựa, ..để chứa nước; sản xuất áo mưa. +Vận dụng tính chất nước chảy từ trên cao xuống Đđể tạo ra sức nước làm chạy máy phát điện, làm mái nhà dốc… | **2.1. Tình huống xuất phát và nêu vấn đề:**  - GV hỏi HS: Trên tay cô có một chiếc cốc. Đố các em biết *trong cốc chứa gì?* - Hàng ngày các em đã được tiếp xúc với nước, vậy có em nào biết gì về tính chất của nước?  2. **2. Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS:**  - GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết của mình về tính chất của nước vào vở ghi chép khoa học. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, ghi lại những hiểu biết về nước có những tính chất gì vào bảng nhóm. - GV theo dõi tiến trình làm việc của các nhóm.  - Gọi đại diện các nhóm lên bảng đính kết quả rồi đọc kết quả của mình. - Các nhóm quan sát để tìm ra điểm giống và khác nhau của nhóm mình với nhóm khác. - GV gạch dưới các điểm giống nhau giữa các nhóm. 2. **3.** **Đề xuất câu hỏi (dự đoán/ giả thuyết) và phương án tìm tòi:**  - YC HS đưa ra ý kiến cá nhân để đặt câu hỏi theo nhóm. - Giáo viên chốt các câu hỏi của các nhóm (nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung bài học).  - GV tổ chức cho HS thảo luận, đề xuất các phương án tìm tòi.  *+*Để chứng minh cho những ý kiến nêu trên là đúng, em cần phải làm gì ? *+*Theo em, phương án nào là tối ưu nhất*?* -GV hướng cho HS đến phương án: làm TN  **2.4. Thực hiện phương án tìm tòi:** -GV YC HS viết dự đoán vào vở Ghi chép khoa học trước khi làm thí nghiệm nghiên cứu với các mục: Câu hỏi; dự đoán; cách tiến hành; kết luận rút ra.  - Yêu cầu các nhóm nhận đồ dùng cần cho TN, tiến hành TN tại nhóm và rút ra kết luận ghi vào bảng nhóm. - GV quan sát và giúp đỡ các nhóm. 2. **5. Kết luận và hợp thức hóa kiến thức:** - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.    - GV hướng dẫn HS so sánh lại với các suy nghĩ ban đầu để khắc sâu kiến thức về các tính chất của nước.  - Ghi tên bài lên bảng.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  \* GD bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng: Nước là vô cùng thiết yếu đối với cuộc sống của con người, nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay của con người, bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước. *Đó là những biện pháp gì?*  *\* GV: Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước cũng chính là tiết kiệm năng lượng (sản xuất điện)*  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  *-*Trong thực tế, con người vận dụng các tính chất của nước vào những việc gì? |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 7)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự.

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ ghi sẵn đoạn văn ở bài tập 1 phần nhận xét.

+Tranh minh họa trang 94, SGK (phóng to nếu có điều kiện)

+ Giấy khổ to và bút dạ.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi học tập

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Làm bài KT (20 p)**  **\* Mục tiêu:** Làm đúng các phần bài trắc nghiệm để củng cố các KT về từ và câu đã học từ Tuần 1-Tuần 9  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc văn bản.  - Thực hiện theo hướng dẫn của GV.  1. Ý B  2. Ý C  3.Ý C  4. Ý B  5. Ý B  6. Ý A  7. Ý C  8. Ý C  - HS tìm và làm các bài đọc-hiểu trong sách buổi 2 | a. Đọc thầm: **Quê hương**  ***( SGK Tiếng việt 4 trang 100)***  **1.  Tên vùng quê được tả trong bài?**  A. Ba Thê  B. Hòn Đất  C. Không có tên  **2. Quê hương chị Sứ là:**   A. Thành phố.   B. Vùng núi.   C. Vùng biển.  **3. Những từ ngữ nào giúp em trả lời đúng câu hỏi 2?**   A. Các mái nhà chen chúc.   B. Núi Ba Thê vòi vọi xanh lam.   C . Sóng biển, cửa biển, xóm lưới, làng biển, lưới.  **4. Những từ ngữ nào cho thấy núi Ba Thê là một ngọn núi cao?**  A . Xanh lam  B. Vòi vọi.  C. Hiện trắng những cánh cò.  **5. Tiếng “**yêu**” gồm những bộ phận cấu tạo nào?**  A. Chỉ có vần  B. Chỉ có vần và thanh  C.Chỉ có âm đầuvà vần  **6. Bài văn trên có 8 từ láy. Theo em, tập hợp nào dưới đây thống kê đủ 8 từ đó?**  A.Oa oa, da dẻ, vòi vọi, nghiêng nghiêng, chen chúc, phất phơ, trùi trũi, tròn trịa.  B. Vòi vọi, nghiêng nghiêng, phất phơ, vàng óng, sáng lòa, trùi trũi, tròn trịa, xanh lam.  C. Oa oa, da dẻ, vòi vọi, chen chúc, phất phơ, trùi trũi, tròn trịa, nhà sàn.  **GV nhận xét chốt đáp án**  **7. Nghĩa của từ "tiên" trong "đầu tiên" khác nghĩa với chữ "tiên" nào dưới đây?**  **A**. Tiên tiến  B. Trước tiên  **C**. Thần tiên  **8. Bài văn trên có mấy danh từ riêng?**  A.Một từ. Đó là từ nào?  B. Hai từ. Đó là những từ nào?  C. Ba từ. Đó là những từ nào?  **\* KL:**GV thu bài, nhận xét chốt đáp án  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  - GV hỏi câu hỏi liên quan đến nội dung bài học để củng cố bài học  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 50:* TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÉP NHÂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, làm việc nhóm tích cực

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (a, b)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Phiếu nhóm

- HS: Vở BT, bút,

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS cùng hát và vận động dưới sự điều hành của TBVN | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nêu 5 x 7 = 35 và 7 x 5 = 35.  Vậy 5 x 7 = 7 x 5.  - HS nêu:  4 x 3 = 3 x 4 ; 8 x 9 = 9 x 8 ; …  - HS đọc bảng số.  - 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS thực hiện tính ở một dòng để hoàn thành bảng như sau:  *+ Giá trị của biểu thức a x b và giá trị của biểu thức b x a đều bằng 32.*  *+ Giá trị của biểu thức a x b và giá trị của biểu thức b x a đều bằng 42*  *+ Giá trị của biểu thức a x b và giá trị của biểu thức b x a đều bằng 20.*  *+ Giá trị của biểu thức a x b luôn bằng giá trị của biểu thức b x a.*  - HS đọc: **a x b = b x a**  *+ Hai tích đó đều có từa số là a và b nhưng vị trí khác nhau.*  *+ Khi đổi chỗ các thừa số của tích a x b cho nhau thì ta được tích b x a.*  *+ Không thay đổi.*  *+ Vậy khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó không thay đổi.*  - HS đọc lại KL | ***+ Giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân:***  \* So sánh giá trị của các cặp phép nhân có thừa số giống nhau  - GV viết lên bảng biểu thức  5 x 7 và 7 x 5  + Hãy tính và so sánh giá trị hai biểu thức này với nhau.  - GV làm tương tự với các cặp phép nhân khác, ví dụ 4 x 3 và 3 x 4, 8 x 9 và 9 x 8, …  **\*KL:** Hai phép nhân có thừa số giống nhau thì luôn bằng nhau.  \* Giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân  - GV treo lên bảng so sánh giá trị của hai biểu thức (SGK), yêu cầu HS thực hiện tính giá trị của các biểu thức a x b và b x a để điền vào bảng.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | a | b | a x b | b x a | | 4 | 8 | 4 x 8 = 32 | 8 x 4 = 32 | | 6 | 7 | 6 x 7 = 42 | 7 x 6 = 42 | | 5 | 4 | 5 x 4 = 20 | 4 x 5 = 20 |   ***Bài 2(tr55):*** Vẽ theo mẫu:  **4. HĐ ứng dụng (*1p)***  *+ Hãy so sánh kết quả của biểu thức a x b với giá trị của biểu thức b x a, khi a=4, b=8?*  *+ Hãy so sánh kết quả của biểu thức a x b với giá trị của biểu thức b x a, khi a=6, b=7?*  *+ Hãy so sánh kết quả của biểu thức a x b với giá trị của biểu thức b x a, khi a=5, b=4?*  *+ Vậy giá trị của biểu thức a x b luôn như thế nào so với giá trị của biểu thức b x a?*  *+ Ta có thể viết a x b = b x a*  *+ Em có nhận xét gì về các thừa số trong hai tích a x b và b x a?*  *+ Khi đổi chỗ các thừa số của tích a x b cho nhau thì ta được tích nào?*  *+ Khi đó giá trị của tích a x b có thay đổi không?*  *+ Vậy khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó như thế nào?*  \* **KL:** **Khi ta đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi.**  **Đó là t/c giao hoán của phép nhân** |
| **3. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** Bước đầu vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Thực hiện theo yêu cầu của GV  ***-*** HS tự làm bài, 2 HS làm bảng lớn.  Đ/a:  a. 4 x 6 = 6 x 4; b. 3 x 5 = 5 x 3 207 x 7 = 7 x 207 ;2138 x 9 = 9 x 2138  - HS nhắc lại t/c giao hoán  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - 2 em lên bảng, lớp làm bảng con.  a. 1357 x 5 =  7 x 853 =  b. 40263 x 7 =  5 x 1326 =  - HS tự làm bài vào vở Tự học  - Ghi nhớ tính chất giao hoán của phép nhân  **\* Bài tập PTNLHS: (M3+M4)**  1. Đổi chỗ các thừa số đẻ tính tích theo cách thuận tiện nhất.  a. 5 x 74 x 2 4 x 5 x 25  b. 125 x 3 x 8 2 2 x 7 x 500  2. Cho 123 x 4 x 9 = 4428. Không cần tính hãy nêu ngay giá trị của các tích dưới đây và giải thích:  123 x 9 x 4 =....  9 x 4 x 123 =.....  9 x 123 x 4 =.... | ***Bài 1:*** Viết số thích hợp vào ô trống.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - YC HS nhận xét, bổ sung, chữa bài  - Chốt đáp án.  **\* KL:** Củng cố tính chất giao hoán của phép nhân.  ***Bài 2(a,b): Tính: HSNK hoàn thành cả bài***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  ***-*** GV yêu cầu HS tự làm bài, 2 HS làm bảng lớn.  - YC HS nhận xét, bổ sung, chữa bài (nếu cần)  - Củng cố tính chất giao hoán của phép nhân.  **Bài 3 + bài 4 (*Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** (*1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 8)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra (viết) theo múc độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI:

+ Nghe - viết đúng bài chính tả (tốc độ viết khoảng 75 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi; trình bày đúng hình thức bài thơ (văn xuôi).

+ Viết được bức thư ngắn đúng nội dung, thể thức một lá thư.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng viết, kĩ năng làm bài KT

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác và trung thực khi làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp ghi sẵn đề bài.

+ Phiếu nhóm.

- HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động kiểm tra***:(50p)*  **\* Mục tiêu:** - Kiểm tra (viết) theo mứ c độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI  **\* Cách tiến hành:** | |
| -1 HS đọc bài chính tả  -HS lắng nghe  - HS viết bài vào giấy kẻ ô li đã chuẩn bị sẵn  - HS viết bài  - HS nộp bài | ***a. KT Chính tả (15p)***  Bài viết: Chiều trên quê hương.  *( SGK trang 102).*  **- GV** đọc bài chính tả.  -GV đọc .  ***b. KT Tậplàm văn (35p)***  - **Đề bài**: ***Viết một bức thư ngắn (khoảng 10 dòng) cho bạn hoặc người thân nói về ước mơ của em***.  - Yêu cầu HS tự làm bài, nộp bài.  - GV thu bài.  **3. HĐ tiếp nối (1p)**  - Nhận xét chung về bài làm và ý thức làm bài của HS |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**Thành phỐ Đà LẠt**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- - Kiến thức: Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Đà Lạt:

+ Vị trí: nằm trên cao nguyên Lâm Viên.

+ Thành phố có khí hậu trong lành, mát mẻ, có nhiều phong cảnh đẹp; nhiều rừng thông, thác nước,…

+ Thành phố có nhiều công trình phục vụ nghỉ ngơi và du lịch.

+ Đà Lạt là nơi trồng nhiều loại rau, quả xứ lạnh và nhiều loại hoa.

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được vị trí của thành phố Đà Lạt trên bản đồ (lược đồ).

\* HS năng khiếu:

- Giải thích vì sao Đà Lạt trồng được nhiều hoa, quả, rau xứ lạnh.

- Xác lập mối quan hệ giữa địa hình với khí hậu, giữa thiên nhiên với hoạt động sản xuất: nằm trên cao nguyên cao-khí hậu mát mẻ, trong lành-trồng nhiều loài hoa, quả, rau xứ lạnh, phát triển du lịch.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ yêu thích môn học, ham tìm hiểu, thích du lịch khám phá các vùng đất mới

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

***\* BVMT:*** *GD hs có ý thức giữ gìn TNTN, BVMT, và có những việc làm cụ thể giúp cho môi trường thêm xanh-sạch-đẹp.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.

+Tranh, ảnh về thành phố Đà Lạt (HS, GV sưu tầm)

-HS: SGK, tranh, ảnh về thành phố Đà Lạt

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi Du lịch, tập làm phòng viên,..

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời và nhận xét:  *+ Lòng sông ở Tây nguyên lắm thác, nhiều ghềnh thuận lợi phát triển thuỷ điện*  *+ Rừng rậm nhiệt đới xanh tốt quanh năm. . .* | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Nêu một số đặc điểm của sông ở Tây Nguyên và ích lợi của nó?*  *+ Mô tả rừng rậm nhiệt đới và rừng khộp ở Tây Nguyên?*  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở Tây Nguyên:  - Nêu được vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất: cung cấp gỗ, lâm sản, nhiều thú quí,...  - Biết được sự cần thiết phải bảo vệ rừng.  - Mô tả sơ lược: rừng rậm nhiệt đới (rừng rậm, nhiều loại cây, tạo thành nhiều tầng,...), rừng khộp (rừng rụng lá mùa khô).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 4 -Lớp**  Thành phố *nghỉ mát, du lịch, có nhièu loại rau, hoa trái*  Thành phố *nghỉ mát, du lịch, có nhièu loại rau, hoa trái*  Thành phố *nghỉ mát, du lịch, có nhièu loại rau, hoa trái*  - HS tiến hành thảo luận nhóm.  - TBHT điều hành báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.  *+ Đà Lạt nằm trên cao nguyên Lâm Viên. Ở độ cao 1500m .*  *+ Khí hậu quanh năm mát mẻ.*  *- HS chỉ bản đồ.*  *+ Giữa thành phố là hồ Xuân Hương xinh xắn. Nơi đây có những vườn hoa và rừng thông. . .*  - Lắng nghe  **Nhóm 2- Lớp**  *+ Nhờ có không khí trong lành, thiện nhiên tươi đẹp nên Đà Lạt được chọn là TP nghỉ mát. . .*  *+ Khách sạn, sân gôn, biệt thự với nhiều kiến trúc khác nhau. phục vụ cho việc nghỉ ngơi, du lịch.*  *+ Khách sạn công đoàn, khách sạn Lam Sơn, khách sạn Đồi Cù, khách sạn Palace.*  - HS chỉ lược đồ.  - Trưng bày tranh ảnh về Đà Lạt.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Vì đa số dân Đà Lạt trồng hoa và rau xanh và trái cây xứ lạnh, diện tích trồng rau rất lớn.*  *+ Hồng, cúc, lay- ơn, mi- mô- da, lan …Dâu, đào, mơ, mận, bơ…; Cà rốt, khoai tây, bắp cải, su hào*  *+ Vì Đà Lạt có khí hậu mát mẻ quanh năm*  *+ Cung cấp cho nhiều nơi và xuất khẩu.*  Các công trình phục vụ nghỉ ngơi, du lịch, *biệt thư,*  *khách sạn*  Khí hậu  *Quanh năm*  *Mát mẻ*  Thiên nhiên  *Vườn hoa,*  *rừng thông, thác nước*  Đà Lạt  Thành phố *nghỉ mát, du lịch, có nhièu loại rau, hoa trái*  - Tập làm phóng viên phỏng vấn các bạn trong lớp về thành phố Đà Lạt | **HĐ 1: Thành phố nổi tiếng về rừng thông và thác nước:**  - GV cho HS dựa vào hình 1 ở bài 5, tranh, ảnh, mục 1 trong SGK và kiến thức bài trước để trả lời câu hỏi sau:  *+ Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào? Ở độ cao bao nhiêu mét?*  *+ Với độ cao đó Đà Lạt sẽ có khí hậu như thế nào?*  *+ Quan sát hình 1, 2 (nhằm giúp cho các em có biểu tượng về hồ Xuân Hương và thác Cam Li) rồi chỉ vị trí các điểm đó trên hình 3.*  *+ Mô tả một cảnh đẹp của Đà Lạt.*  \****GV: Nhìn chung càng lên cao thì nhiệt độ không khí càng giảm. Trung bình cứ lên cao 1000m thì nhiệt đô không khí lại giảm đi 5 đến 6 0c . Vì vậy, vào mùa hạ nóng bức, những địa điểm nghỉ mát ở vùng núi thường rất đông du khách. Đà Lạt ở độ cao 1500m so với mặt biển nên quanh năm mát mẻ . Vào mùa đông, Đà Lạt cũng lạnh nhưng không chịu ảnh hưởng gió mùa đông bắc nên không rét buốt như ở miền Bắc .***  **Hoạt động 2: Đà Lạt- thành phố du lịch và nghỉ mát:**  - GV cho HS dựa vào vốn hiểu biết của mình, vào hình 3, mục 2 trong SGK để thảo luận theo các gợi ý sau:  *+ Tại Đà Lạt lại được chọn làm nơi du lịch và nghỉ mát?*  *+ Đà Lạt có những công trình nào phục vụ cho việc nghỉ mát, du lịch?*    *+ Kể tên một số khách sạn ở Đà Lạt*  - HS chỉ vị trí thác Cam li và hồ Xuân Hường trên H3.  - Cho HS đem tranh, ảnh sưu tầm về Đà Lạt lên trình bày trước lớp.  - GV nhận xét, kết luận.  **Hoạt động 3: Hoa quả và rau xanh ở Đà Lạt:**  - GV cho HS quan sát hình 4, trả lời cá nhân các câu hỏi:  *+ Tại sao Đà Lạt được gọi là thành phố của hoa quả và rau xanh?*  *+ Kể tên các loại hoa, quả và rau xanh ở Đà Lạt?*  *+ Tại sao ở Đà Lạt lại trồng được nhiều loại hoa, quả, rau xứ lạnh?*  *+ Hoa và rau của Đà Lạt có giá trị như thế* *nào?*  **3. Hoạt động ứng dụng *(2p)***  - GV cùng HS hoàn thành bảng tổng hợp như bên  - Liên hệ việc BVMT  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 10**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 10

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 11

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Xem kịch câm

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***